CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Khoáng sản Á Châu

Ngày 30/09/2025	17,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.6%	**1.7%**	**3.9%**

DT thuần
Q3/25
44.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.30| 5.5%
YoY: ▲ 5.40| 13.8%

LN thuần
Q3/25
3.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.80| 33.6%
YoY: ▲ 0.91| 40.1%

LN sau thuế
Q3/25
2.26
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.73| 47.8%
YoY: ▲ 0.50| 28.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
7.0%
YoY: +/-▲ 2.0%

ROE (TTM)
Q3/25
12.2%
YoY: +/-▲ 0.5%

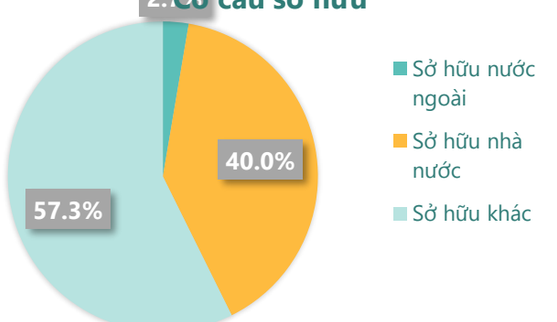
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	14,516 - 19,726
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	50
Số lượng CPLH (CP)	2,850,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	750
Sở hữu nước ngoài	2.7%
Beta	0.28
EPS	2,253
P/E	7.8

DT thuần
9T 2025
127
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.0| 9.3%

LN thuần
9T 2025
7.25
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.88| 13.8%

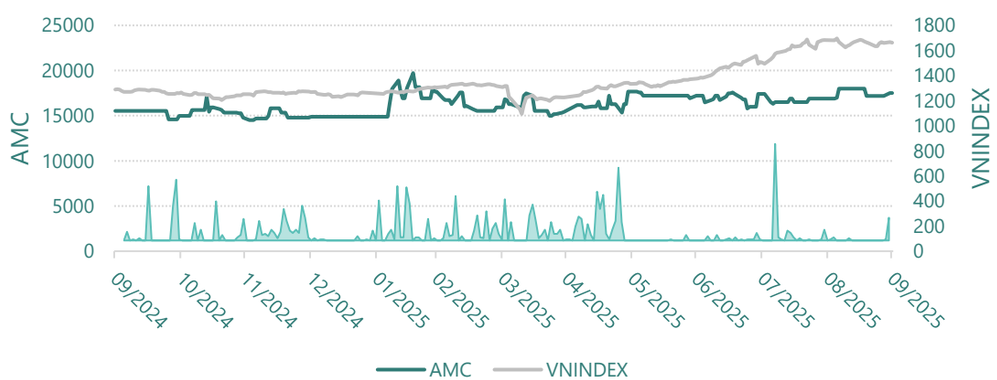
LN sau thuế
9T 2025
5.08
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.24| 4.8%

Cơ cấu sở hữu

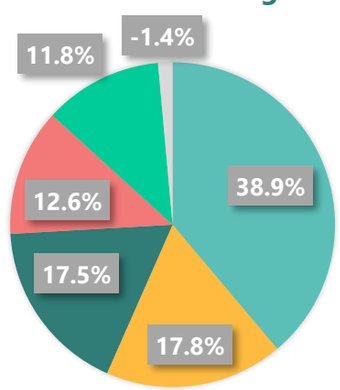


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

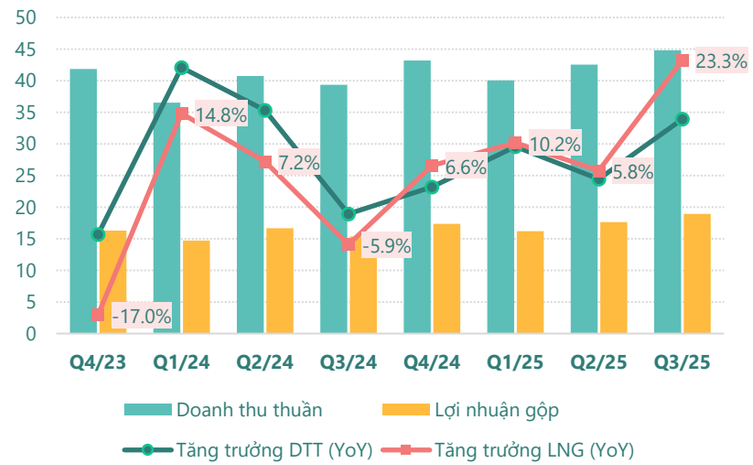


- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế
- Đinh Xuân Tự
- Phạm Việt Hùng (Chủ tịch HĐQT)
- Lê Văn Chiến (Thành viên HĐQT)
- Lê Đình Hùng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

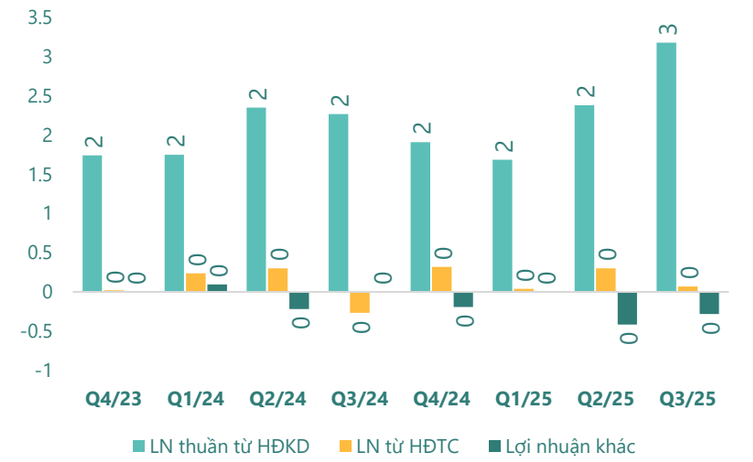
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



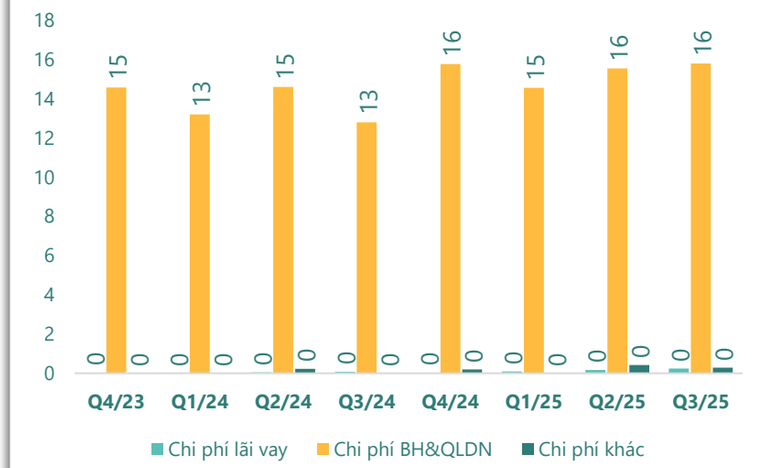
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



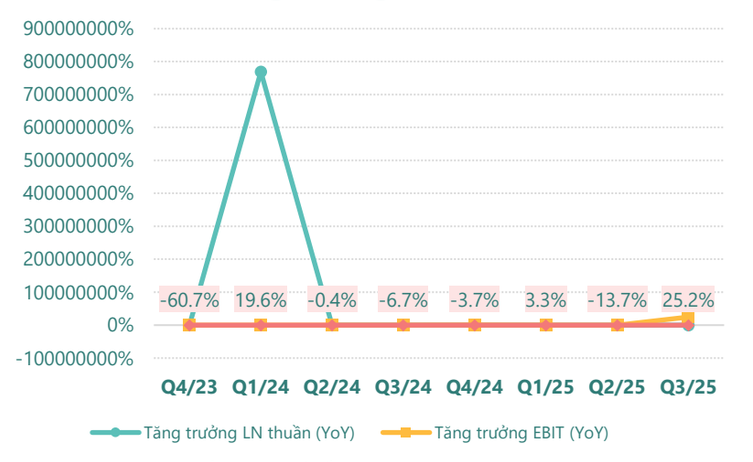
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



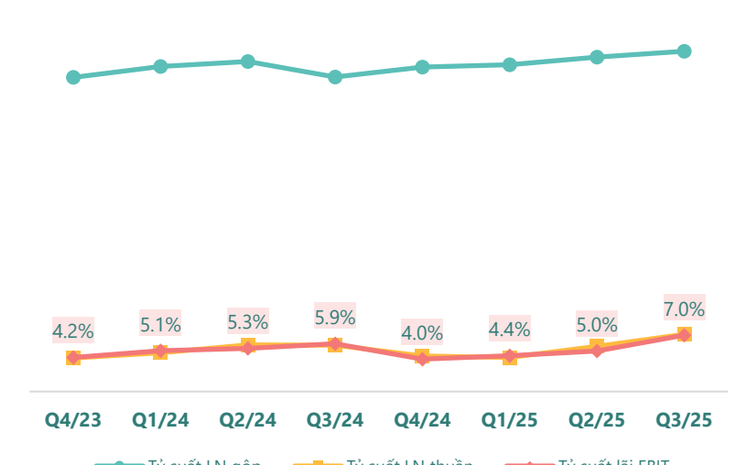
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



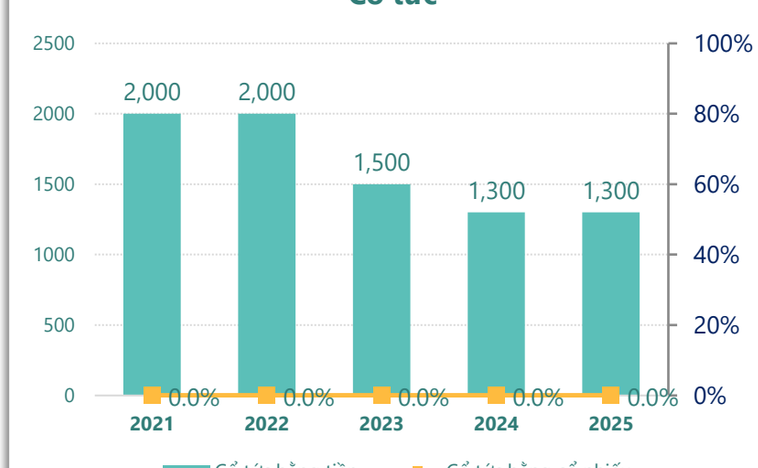
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

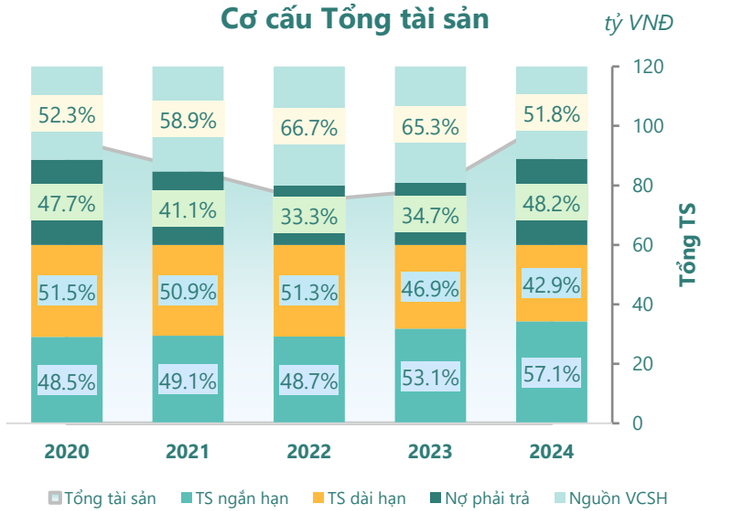
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

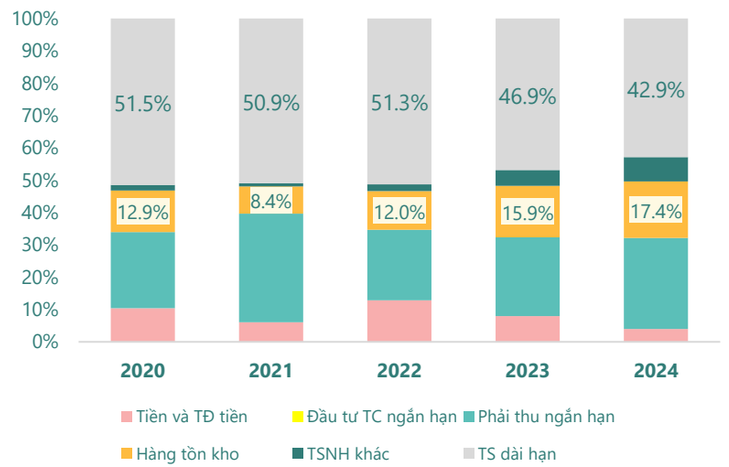
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



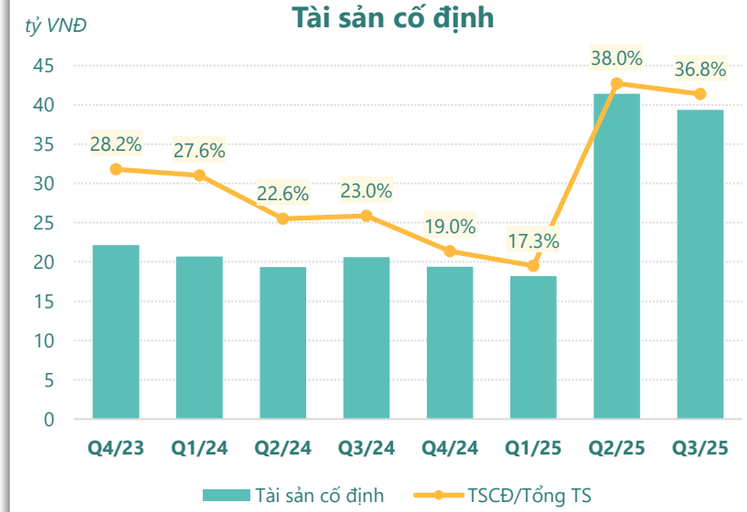
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



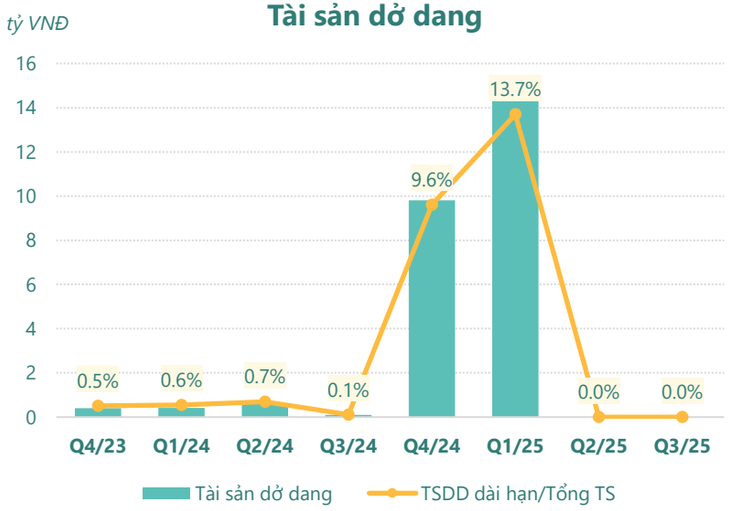
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



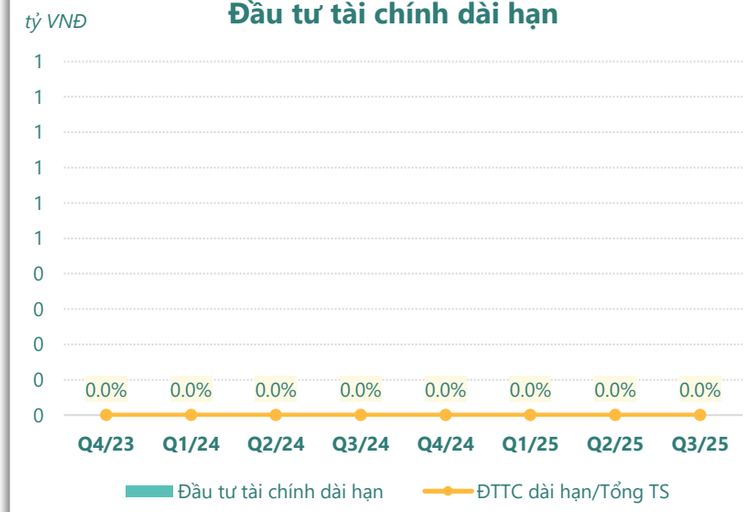
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



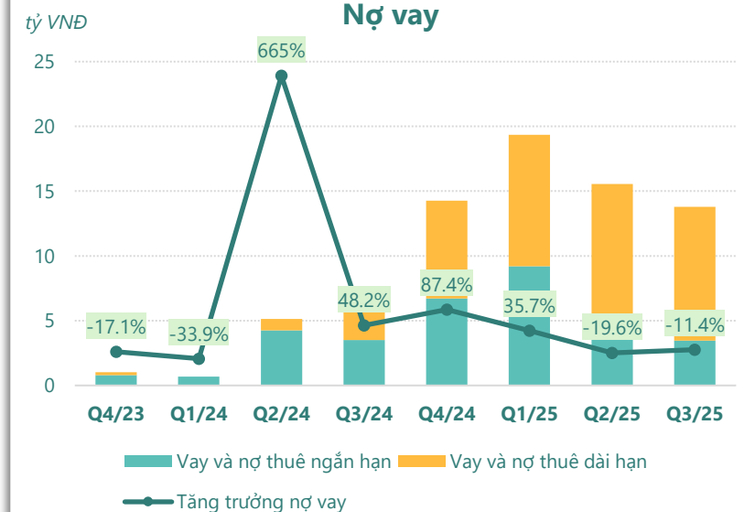
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

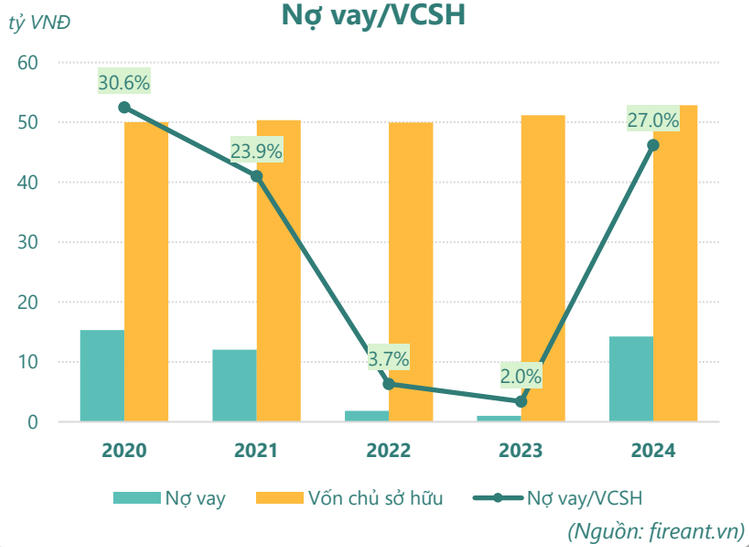
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

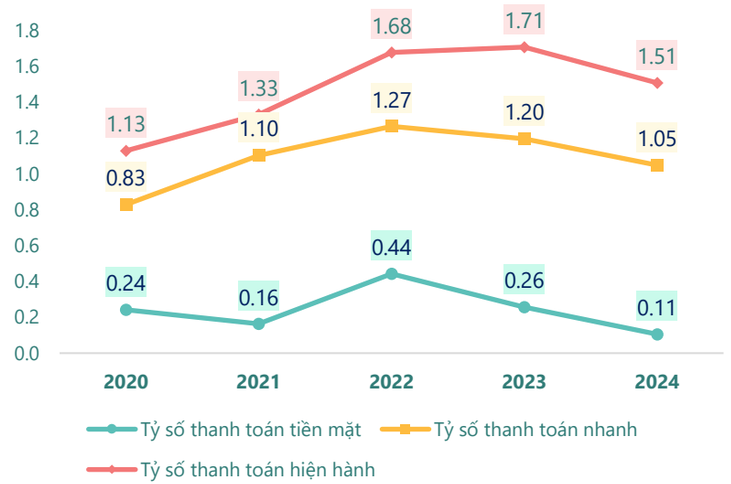
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



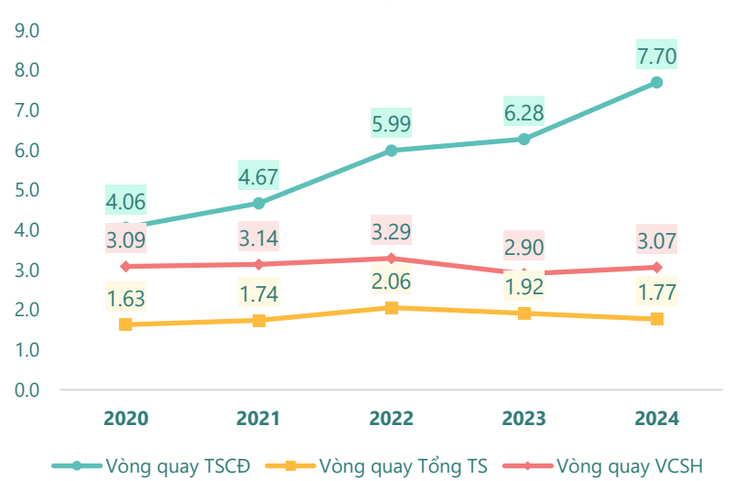
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



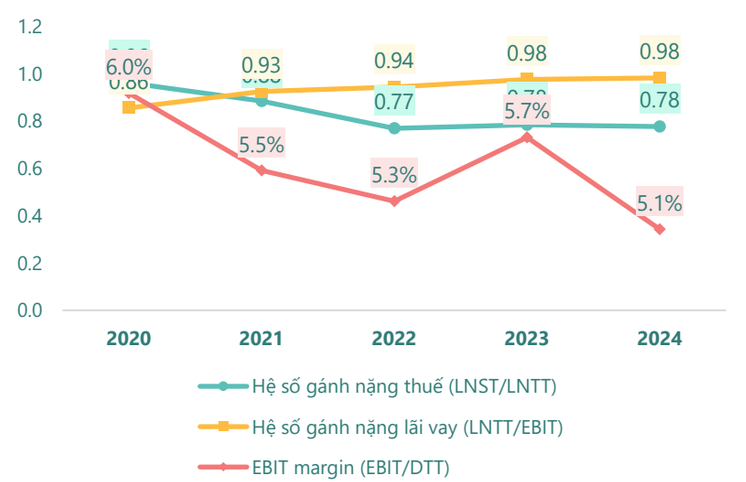
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



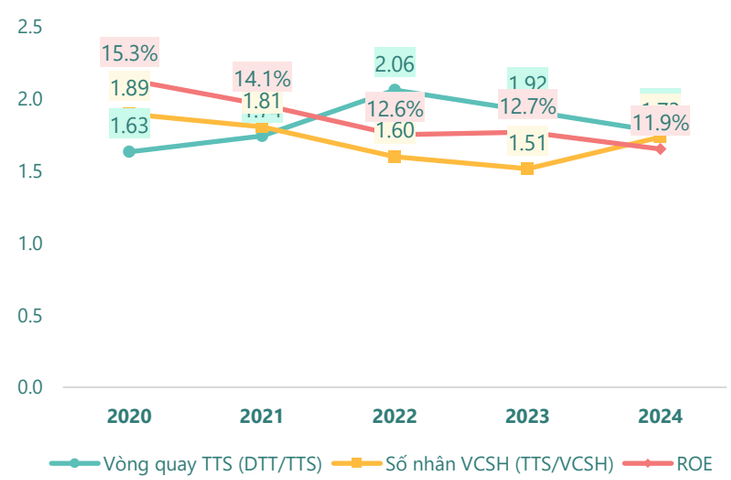
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



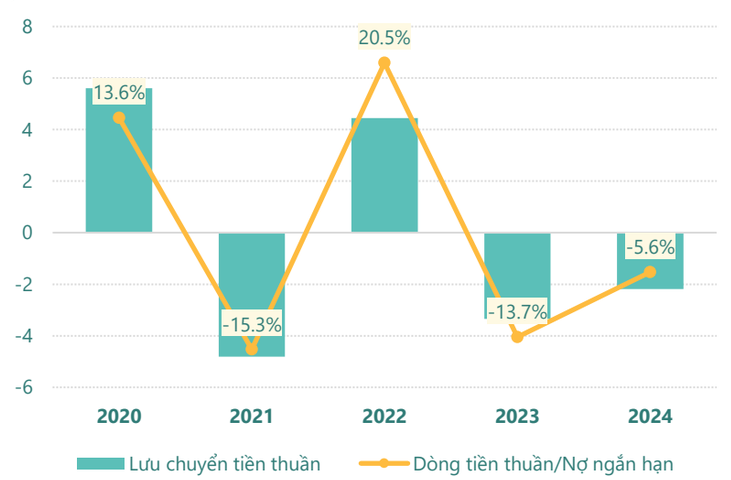
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**44.8**	**39.4**	**13.8%**	**127**	**117**	**9.3%**
Giá vốn hàng bán	25.9	24.0	8.0%	74.6	69.9	6.8%
Lợi nhuận gộp	18.9	15.3	23.6%	52.8	46.7	12.9%
Doanh thu HĐTC	0.31	0.05	514%	0.92	0.64	43.8%
Chi phí TC	0.24	0.32	-25.5%	0.51	0.37	37.5%
Chi phí lãi vay	0.24	0.07	238%	0.50	0.12	304%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	13.2	10.5	25.6%	38.0	33.9	12.0%
Chi phí QLDN	**2.62**	**2.26**	**16.0%**	**7.97**	**6.72**	**18.6%**
LN thuần từ HĐKD	3.18	2.27	40.1%	7.25	6.37	13.8%
Lợi nhuận khác	**-0.28**	**0.00**		**-0.70**	**-0.13**	**-450%**
LN trước thuế	2.90	2.27	27.6%	6.55	6.24	4.9%
Lợi nhuận sau thuế	**2.26**	**1.76**	**28.5%**	**5.08**	**4.84**	**4.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.26**	**1.76**	**28.5%**	**5.08**	**4.84**	**4.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.72	3.43	4.84	13.4	-7.20	4.68
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.26	-1.89	-9.98	-16.5	9.38	-0.16
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.46	-0.48	1.47	5.09	-3.79	-3.96
Tiền đầu kỳ	2.68	6.68	7.70	4.08	6.09	4.49
Lưu chuyển tiền thuần	**4.00**	**1.07**	**-3.67**	**2.01**	**-1.60**	**0.55**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.05	0.05	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	6.68	7.70	4.08	6.09	4.49	5.04

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**107**	**102**	**4.8%**
Tài sản ngắn hạn	51.3	58.3	-12.1%
Tiền và tương đương tiền	5.04	4.08	23.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	23.5	28.8	-18.4%
Hàng tồn kho	11.8	17.8	-33.4%
Tài sản ngắn hạn khác	10.9	7.71	41.4%
Tài sản dài hạn	**55.7**	**43.8**	**27.4%**
Phải thu dài hạn	5.59	4.18	33.7%
Tài sản cố định	39.3	19.4	103%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	9.81	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**10.8**	**10.4**	**4.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	53.5	49.2	8.8%
Nợ ngắn hạn	**39.9**	**38.7**	**3.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.47	6.72	-48.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	23.8	22.2	7.3%
Nợ dài hạn	13.6	10.5	29.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	10.3	7.54	36.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**53.5**	**52.9**	**1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**53.5**	**52.9**	**1.1%**
Vốn điều lệ	28.5	28.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)